Unit 2

Lesson 4 Weather 天气

Text 1

běi jīng

jīn tiān shì qíng tiān qì wēn zài
今天是晴天，气温在
èr shí dù zuǒ yòu míng tiān yǒu
二十度左右。明天有
xiǎo yǔ
小雨。

shàng hǎi

jīn tiān duō yún qì wēn èr shí
今天多云，气温二十
bā dào sān shí èr dù míng tiān
八到三十二度。明天
yǒu tái fēng
有台风。

NEW WORDS

1. qíng 晴 fine; clear
   qíng tiān 晴天 sunny day
2. wēn 温 warm; temperature
   qì wēn 气温 air temperature
3. dù 度 degree
4. zuǒ 左 left
5. yòu 右 right
   zuǒ yòu 左右 around
6. yǔ 雨 rain
   xiǎo yǔ 小雨 light rain
7. yún 云(雲) cloud
   duō yún 多云 cloudy
8. dào 到 up to
9. tái 台(颱) platform
10. fēng 风(風) wind
    tái fēng 台风 typhoon

LIVEWORKSHEETS